

Số: 75/QĐ-VKSTB

Thái Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Công văn số 211/C3-KHNS ngày 10/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN và số liệu thực hiện dự toán NSNN quý, 06 tháng, năm;

Xét đề nghị của Phụ trách Văn phòng tổng hợp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng tổng hợp, Kế toán trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Viện KSND tối cao, Cục 3 (để báo cáo);
- Lãnh đạo VKS tỉnh (để chỉ đạo);
- Văn phòng VKS tỉnh (để thực hiện);
- Lưu: VT-KT.

VIỆN TRƯỞNG



★ Lại Hợp Mạnh

Đơn vị báo cáo: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình

Mã chương: 004

Mã ĐVQHNS: 1002537

CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-VKS ngày 25/8/2024
của VKSND tỉnh Thái Bình)

A. TÌNH HÌNH CHUNG

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình có 09 đơn vị dự toán cấp III, bao gồm: Văn phòng viện tỉnh và 08 đơn vị VKSND cấp huyện trực thuộc.

1. Tình hình người lao động

1.1. Về biên chế

Số biên chế được giao theo Quyết định số 19/QĐ-VKSTC ngày 20/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao cho VKSND tỉnh Thái Bình là 204 biên chế, thực hiện năm 2023: 181 biên chế, còn thiếu 23 biên chế chưa tuyển.

1.2. Về hợp đồng lao động

Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được giao: 32 người, thực hiện 32 người (bao gồm các hợp đồng lao động làm công việc lái xe ô tô, bảo vệ, tạp vụ và đã ký lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Tình hình thực hiện thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

2.1. Dự toán ngân sách nhà nước được giao

- Tổng số kinh phí quản lý hành chính được giao: 45.026.080.000 đồng, trong đó:
 - + Dư năm trước chuyển sang: 560.000 đồng
 - + Kinh phí thực hiện tự chủ: 39.923.420.000 đồng;
 - + Kinh phí không thực hiện tự chủ: 5.102.100.000 đồng.
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: 255.000.000 đồng.

Căn cứ dự toán được VKSND tối cao giao và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành của nhà nước, nhiệm vụ trọng tâm năm, các nhiệm vụ đặc thù của Ngành, các nhiệm vụ phát sinh, VKSND tỉnh đã phân bổ kinh phí được giao đến từng đơn vị dự toán trực thuộc công khai theo đúng tổng mức và các nội dung nguồn vốn được giao của Quyết định số 131/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2022 của VKSND tối cao. Đối với khoản chi tiền thưởng thi đua theo phân cấp (2% quỹ tiền lương) được giữ lại ở Viện tỉnh để chi chung cho VKSND hai cấp.

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên

ĐVT: Đồng

| TT | Nội dung | Dư năm trước chuyển sang | Dự toán VKSND tối cao giao | Dự toán đã phân bổ trong năm | Kinh phí được quyết toán | Tỷ lệ % QT/DT |
|------------|--|--------------------------|----------------------------|------------------------------|--------------------------|---------------|
| | Tổng cộng | 560.000 | 45.280.520.000 | 45.280.520.000 | 45.085.186.125 | |
| I | Kinh phí Quản lý nhà nước (L 340 – K 341) | 560.000 | 45.025.520.000 | 45.025.520.000 | 44.830.186.125 | |
| 1 | Kinh phí QLNN thực hiện chế độ tự chủ | 560.000 | 39.923.420.000 | 39.923.420.000 | 39.777.380.000 | 100,0 |
| 2 | Kinh phí QLHC không thực hiện chế độ tự chủ | | 5.102.100.000 | 5.102.100.000 | 5.052.806.125 | 99,03 |
| 2.1 | Kinh phí trang phục | | 1.111.000.000 | 1.111.000.000 | 1.061.970.125 | 95,59 |
| 2.2 | Kinh phí sửa chữa, bảo trì trụ sở | | 800.000.000 | 800.000.000 | 799.736.000 | 99,99 |
| 2.3 | Kinh phí Đề án mua sắm | | 2.330.000.000 | 2.330.000.000 | 2.330.000.000 | 100,0 |
| 2.4 | Kinh phí thuê luật sư, trợ cấp nhân chứng | | 51.000.000 | 51.000.000 | 51.000.000 | 100,0 |
| 2.5 | Chi nhiệm vụ tăng thêm theo BLHS, BLTTHS | | 558.000.000 | 558.000.000 | 558.000.000 | 100,0 |
| 2.6 | Kinh phí hỗ trợ công tác KS trại giam, trại tạm giam | | 160.000.000 | 160.000.000 | 160.000.000 | 100,0 |
| 2.7 | Kinh phí giám định tư pháp | | 18.100.000 | 18.100.000 | 18.100.000 | 100,0 |
| 2.8 | Kinh phí 5% lệ phí trước bạ | | 74.000.000 | 74.000.000 | 74.000.000 | 100,0 |
| II | Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ | | 255.000.000 | 255.000.000 | 255.000.000 | 100,0 |
| 1 | Đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ (L 070 - K 085) | | 255.000.000 | 255.000.000 | 255.000.000 | 100,0 |
| III | Kinh phí địa phương hỗ trợ | | 1.260.000.000 | 1.260.000.000 | 1.260.000.000 | 100,0 |
| | Hỗ trợ phục vụ nghiệp vụ | | 1.260.000.000 | 1.260.000.000 | 1.260.000.000 | 100,0 |

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao

Năm ngân sách 2023, VKSND tỉnh Thái Bình đã thực hiện đúng các nhiệm vụ chi trong năm. Quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 đạt 99,997% so với dự toán được giao. Lý do:

- Kinh phí giảm trong năm: 49.293.875 đồng, trong đó:
 - + Nguồn kinh phí không tự chủ hủy tại KBNN: 49.293.875 đồng do đơn vị hết nhiệm vụ chi phần kinh phí sửa chữa, bảo trì trụ sở và Kinh phí trang phục.
- Số dư dự toán và kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024: 146.600.000 đồng là kinh phí tự chủ đương nhiên được chuyển nguồn sang năm 2024.

2. Nguồn ngân sách nhà nước trong nước

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 560.000 đồng.
- Tổng dự toán được giao trong năm: 45.280.520.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 43.346.900.000 đồng;
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 1.933.620.000 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 45.085.186.125 đồng.
- Kinh phí giảm trong năm: 49.293.875 đồng.
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 146.600.000 đồng.

II. Thuyết minh khác

1. Chi phí tiền lương năm 2024: 31.736.466.945 đồng, trong đó:
 - + Chi tiền lương của biên chế: 26.479.796.000 đồng;
 - + Chi tiền lương của hợp đồng lao động theo ND 111: 3.607.980.261 đồng.
2. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm 2.683.608.215 đồng, sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính 2.683.608.215 đồng để chi:
 - Thu nhập tăng thêm: 1.165.491.000 đồng;
 - Phúc lợi tập thể: 1.482.000.090 đồng;
 - Trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 36.117.125 đồng.



